TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/ 2024/ HNGĐ - ST
Ngày: 15 /01/ 2024.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến và bà Đinh Thị Ngọc Lan.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/ TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Xóm 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
Bị đơn: Anh Trịnh Văn N, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Xóm 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trịnh Văn N, sau thời gian tìm hiểu đã kết hôn hợp pháp, vợ chồng đã đến UBND xã K, huyện Y, để làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 01 năm 2018, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Chị và anh N về chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hay cãi chửi nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai vợ chồng khắc phục và đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần, để vợ chồng sống hòa hợp với nhau, nhưng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày một trầm trọng thêm, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh N không có hạnh phúc, nên chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ để sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay và trong thời gian này vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh N không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ, sống

chung với nhau được nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn N.

Về con: Chị và anh N cho đến nay có một con chung là cháu Trịnh Minh A, sinh ngày 09/6/2019, hiện nay cháu A đang do anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị đề nghị Toà án giao cháu A cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH MTV Hoàn Thưởng với mức lương hưởng theo doanh số bán hàng là từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/ tháng; chị H dạy thêm tiếng anh cho học sinh học thêm và kinh doanh bán hàng online mỗi tháng thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/1 tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con và chị yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị hàng tháng với mức là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Về con riêng, chị và anh N không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị H xác định: Chị và anh N cho đến nay không có tài sản và công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trịnh Văn N trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn như chị H trình bầy là đúng. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nên giữa anh và chị H chung sống với nhau không có hạnh phúc, nay chị H xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân kể từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con: Anh và chị H cho đến nay có 01 con chung như chị H trình bầy là đúng, nay ly hôn anh không nhất trí giao cháu Trịnh Minh A, sinh ngày 09/6/2019 cho chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đề nghị Tòa án giao cháu Minh A cho anh được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh. Hiện nay anh đang làm nhân viên kỹ thuật sửa chữa trang thiết bị nhà ga tại cảng hàng không quốc tế nội bài thuộc tổng công ty cảng hàng không Việt Nam, với mức lương cố định hàng tháng là 15.000.000 đồng nên có đủ điều kiện nuôi con, do vậy anh không yêu cầu việc chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về con riêng anh và chị H không ai có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh N nhất trí cho đến nay không có tài sản và công nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trịnh Văn N. Về con: Giao cháu Trịnh Minh A, sinh ngày 09/6/2019, cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc và anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Anh cho chị H hàng tháng

với mức 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh N có quyền đi lại thăm nom con chung. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết chị H và anh N không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và anh N phải nộp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn N đã có thời gian tự do tìm hiểu, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/ 2018 tại UBND xã K, huyện Y, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó vợ chồng sẩy ra xô sát, cãi chửi nhau, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã KH để sinh sống từ tháng 10/2023 cho đến nay. Trong quá trình Tòa án hòa giải cũng như tại phiên tòa chị H và anh N đều xác định vợ chồng sống không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H và anh N nhất trí thuận tình ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H và anh N cho đến nay có 01 con chung là cháu Trịnh Minh A, sinh ngày 09/6/2019. Khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Minh A do anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị H và anh N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Minh A, chị H yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Mimh A cho chị, hàng tháng với mức là 2.000.000 đồng, tại phiên tòa chị thay đổi về mức cấp dưỡng, nay chị yêu cầu mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng một tháng, kể từ tháng 02 năm 2024, còn anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh vì anh đang làm công nhân kỹ thuật và có mức lương hàng tháng là 15.000.000 đồng nên anh có đủ điều kiện để nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị H và anh N là chính đáng, do chị H và anh N có một con chung nên xét về điệu kiện nuôi dưỡng thì thấy anh N hiện đang phải đi thuê nhà ở và phải đi làm ca đêm nên phải nuôi mẹ đẻ để phụ giúp gia đình và chăm sóc cháu Minh A, còn chị H đang ở cùng nhà bố mẹ và được gia đình hỗ trợ thêm trong việc chăn sóc con, hơn nữa trước đây cháu Minh A đã học tại trường mầm non xã KH. Nay vợ chồng ly hôn, nhận thấy cháu Minh A còn nhỏ, hiện tại cháu chưa đủ 05 tuổi và là cháu gái nên cần đến sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Mặt khác cần phải ưu tiên để bảo vệ quyền lợi cho bà mẹ và trẻ em, chính vì vậy cần phải giao cháu Minh A cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc và buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Minh A cho chị H hàng tháng với mức 1.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2024 là phù hợp với mức thu nhập của anh N. Về con riêng chị H, anh N không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản**: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H và anh N xác định không có tài sản và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị H là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con nên phải nộp án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với anh Trịnh Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Minh A, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Anh Trịnh Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Minh A cho chị Nguyễn Thị H hàng tháng với mức là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu Minh A trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành đối với số tiền anh Trịnh Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn N trong quá trình giải quyết đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, ký hiệu: BLTU/23 số 0001563 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Buộc anh Trịnh Văn N phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã K.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung